

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA HÀN QUỐC

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC KỲ
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	NÓI - VIẾT 2A		
Mã học phần:	71KLAN30092	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	71KLAN30092_01, 02, 03		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
CLO1	Áp dụng kiến thức từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề đã học như giao thông, thời tiết, du lịch, nghi lễ, chào hỏi, gia đình, bạn bè... vào việc hiểu, diễn đạt và nói, viết tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp.	Tự luận	70%	Phân viết: Câu I đến câu IV Phân nói: Câu I đến Câu III	10	
CLO2	Sử dụng hiệu quả phần mềm soạn thảo tiếng Hàn để giải quyết các tình huống nói – viết cụ thể.	Tự luận	30%	Phân viết Câu I đến Câu IV	5	

Nội dung câu hỏi thi

Phần viết: 5 điểm (45 phút)
(쓰기 영역: 5 점) (45 분)

- I. Hoàn thành câu với từ cho sẵn. Lưu ý không được đổi trật tự của từ cho sẵn (Mỗi câu 0.2 điểm * 5 = 1 điểm)**
(주어진 단어를 순서대로 문장을 완성하십시오.) (각 0.2 점 * 5 = 1 점)

주의 : 다음 중 맞는 문법을 골라서 쓰세요. (Gợi ý: Chọn những ngữ pháp cho sẵn để hoàn thành câu.)

- (으)면 : (으)려고 해요.
- (으)ㄹ 것 같은데 : (으)ㄹ시다
- 고 있다.
- (으)ㄴ 데 : -는게 어때요?
- 아/어서 : 는 것 같다.

1. 오후/ 비가 오다/ 백화점/ 쇼핑하다.
2. 일본/ 가깝다/ 값/ 비싸지 않다/ 일본에 가다/ ?
3. 흥영 씨/ 지금/ 환전소/ 환전을 하다.
4. 봄/ 꽃/ 예쁘다/ 사람들/ 제주도/ 많이 가다.
5. 이번 학기/ 끝나다/ 5 월 22 일/ 25 일/ 여행 가다.

- II. Nhìn tranh và hoàn thành bài hội thoại. (0.2 điểm * 5 = 1 điểm)** (그림을 보고 대화를 완성하십시오.)

1.




문법 : (으)ㄹ 것 같은데 / (으)ㅂ시다.

가 : 우리 등산하러 갈까요?

나 : _____.

2.



어른들께 세배를 하다
떡국을 먹다

문법 : (N)도 (D)-고요.

가 : 한국 사람들은 설날에 뭘 해요?

나 : _____요. _____.

3.



문법 : -고 있다.

가 : 흐엉 씨는 지금 어디에서 무엇을 하고 있어요?

나 : 흐엉 씨는 지금 _____.

4.



오사카

문법 : (으)려고 하다.

가 : 이번 방학에 어디에 여행을 가려고 해요?

나 : _____.

5.



문법 : (으)면서

가 : 유키 씨는 무엇을 하고 있어요?

나 : _____.

III. Viết các câu sau sang tiếng Hàn. (Mỗi câu 0.2 điểm * 5 = 1 điểm) (주어진 베트남어 문장을 한국어로 번역하십시오.)

1. Sau khi tốt nghiệp tôi muốn về quê và trở thành giáo viên.
2. Hôm nay thời tiết có vẻ ấm áp.
3. Tôi dự định đi du lịch vào kỳ nghỉ hè lần này từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7.
4. Trước khi lên máy bay tôi chuyển vùng quốc tế tại quầy chuyên vùng quốc tế.
5. Bây giờ vì tôi đã trở nên quen với cuộc sống Hàn quốc nên rất vui.

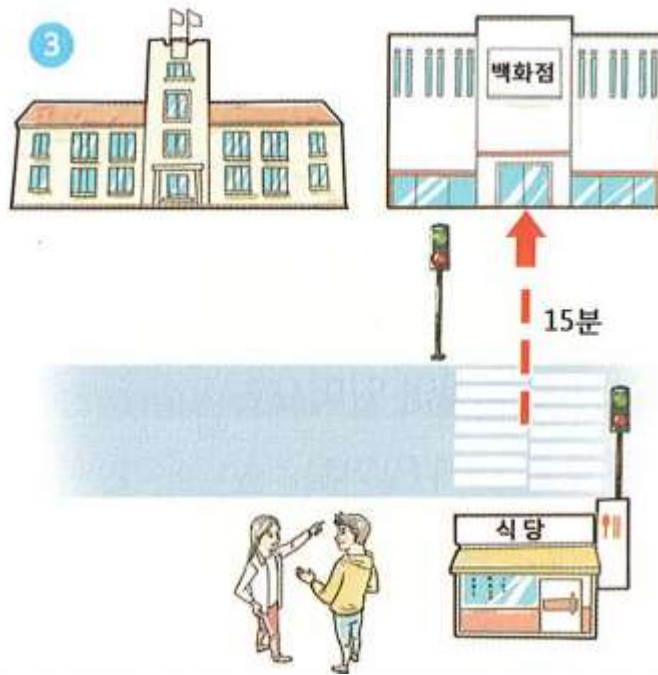
IV. Viết bài về chủ đề du lịch (2 điểm). (“여행”을 주제로 글을 쓰십시오)

Phần nói: 5 điểm (15 phút)

I. Trả lời câu hỏi (Mỗi câu 0.2 điểm * 5 = 1 điểm) (답을 말하십시오.)

1. 요즘 베트남 날씨가 어때요?
2. 어디에 여행 가고 싶어요?
3. 어느 계절을 좋아해요?
4. 공항 어디에서 체크인을 해요?
5. 보통 자기 전에 무엇을 해요?

II. Xem tranh và hướng dẫn cách đi đến trung tâm thương mại. (1 điểm) (그림을 보고 백화점에 가는 방법을 안내하십시오.)



(Gợi ý tự vựng) 어휘 : 식당, 백화점, 횡단보도, 학교, 건너다, 보이다

- III. Nói bài với chủ đề “Kế hoạch trong kỳ nghỉ” (3 điểm) (“방학 계획에 대해서 말하십시오.”)

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận		10.0	
Phần viết		5.0	
Câu I		1.0	
1.	오후에 비가 올 것 같은데 백화점에 쇼핑하러 가요./갑시다.	0.2	
2.	일본이 가깝고 값도 비싸지 않은데 일본에 가는 게 어때요?	0.2	
3.	호영 씨는 지금 환전소에서 환전을 하고 있어요./있습니다.	0.2	
4.	봄에 꽃이 예뻐서 사람들이 제주도에 많이 가는 것 같아요.	0.2	
5.	이번 학기가 끝나면 5월 22일부터 25일까지 여행을 가려고 해요./합니다.	0.2	
Câu II		1	
1.	오후에 좀 더울 것 같은데 수영하러 갑시다.	0.2	
2.	어른들께 세배를 해요. 떡국도 먹고요.	0.2	
3.	면세점에서 쇼핑을 하고 있어요./ 있습니다	0.2	
4.	이번 방학에 일본 오사카에 가려고 해요./ 합니다	0.2	
5.	기타를 치면서 노래를 불러요./ 부릅니다	0.2	
Câu III		1	
1.	졸업한 후에 고향에 들어가서 선생님이 되고 싶어요./ 싶습니다	0.2	
2.	오늘 날씨가 따뜻한 것 같아요./ 같습니다	0.2	
3.	이번 방학 7월 25일부터 30일까지 여행을 가려고 해요./ 합니다.	0.2	
4.	탑승하기 전에 전화 로밍 센터에서 전화 로밍을 해요./ 합니다.	0.2	
5.	지금 한국 생활에 익숙해져서 즐겁습니다./ 즐거워요	0.2	
Câu IV		2.0	
	과제 완성도 (30%) 언어 사용 (30%) 구성력 (20%) 내용 (20%)	2.0	
Phần nói		5.0	
과제 완성도	30%		
언어 사용	30%: 기본 어휘 (10%), 주제에 맞는 어휘 (10%), 확장 어휘		
구성력	(10%): 단순 문장 (10%), 복합 문장, 질문이나 문맥에 적절한 표현 사용 (20%)		
유창성	20%		
발음	10%		
억양	10%		
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



TS. Shin A Young



TS. Bùi Thị Mỹ Linh